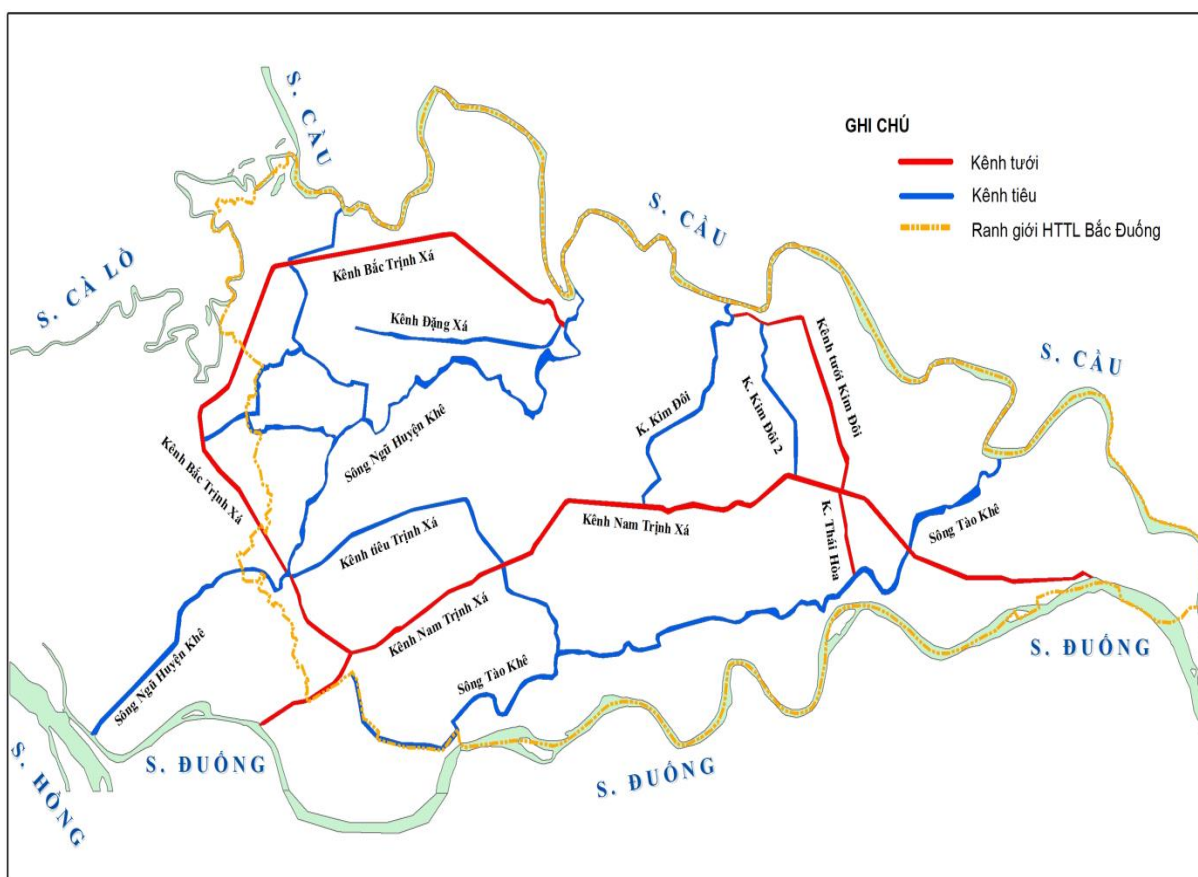


VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

**Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình
thủy lợi Bắc Đuống phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2019**

BẢN TIN TUẦN KỲ 04

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NGÀY 13/2/2019 VÀ DỰ
BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 22 - 28/2019**



Ranh giới hệ thống Bắc Đuống

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2019

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

Nhiệm vụ: “Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Đuống phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp” năm 2018

BẢN TIN TUẦN KỲ 04

**KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NGÀY 13/2/2019 VÀ DỰ
BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 22 - 28/2/2019**

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ CƠ QUAN THỰC HIỆN
VIỆN NƯỚC, TƯỚI TIÊU VÀ MÔI TRƯỜNG

ThS Vũ Quốc Chính

Thông tin chung

Nhiệm vụ Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Đuống phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp được Tổng cục Thủy lợi – Bộ Nông nghiệp và PTNT giao Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường thực hiện năm 2019. Trong các tháng từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2019 và tháng 7 năm 2019, mỗi tháng có 2 kỳ lấy mẫu và dự báo 7 ngày tiếp theo. Báo cáo kỳ được đưa lên websites của Tổng cục Thủy lợi tại đại chỉ www.httl.com.vn và gửi cho các địa phương vùng dự án.

Bản tin kỳ 4 là kết quả quan trắc chất lượng nước ngày 13/2/2019 và dự báo các chỉ tiêu DO, BOD₅ và NH₄⁺ từ ngày 22 - 28/2/2019.

Hà Nội, ngày 22 tháng 2 năm 2019

BẢN TIN TUẦN KỲ 04

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NGÀY 13/2/2019 VÀ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 22 - 28/2/2019

1. Nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Đuống, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
2. Ngày lấy mẫu: 13/2/2019
3. Ngày dự báo: 22/2/2019
4. Ngày cung cấp thông tin: 22/2/2019
5. Đơn vị thực hiện: Viện Nước, Tưới tiêu và Môi trường
6. Người cung cấp thông tin: ThS Vũ Quốc Chính
7. Đơn vị nhận thông tin: Các đơn vị quản lý sử dụng nước trong hệ thống Bắc Đuống
8. Vị trí dự báo và lấy mẫu quan trắc: 16 vị trí (**bảng 1**)

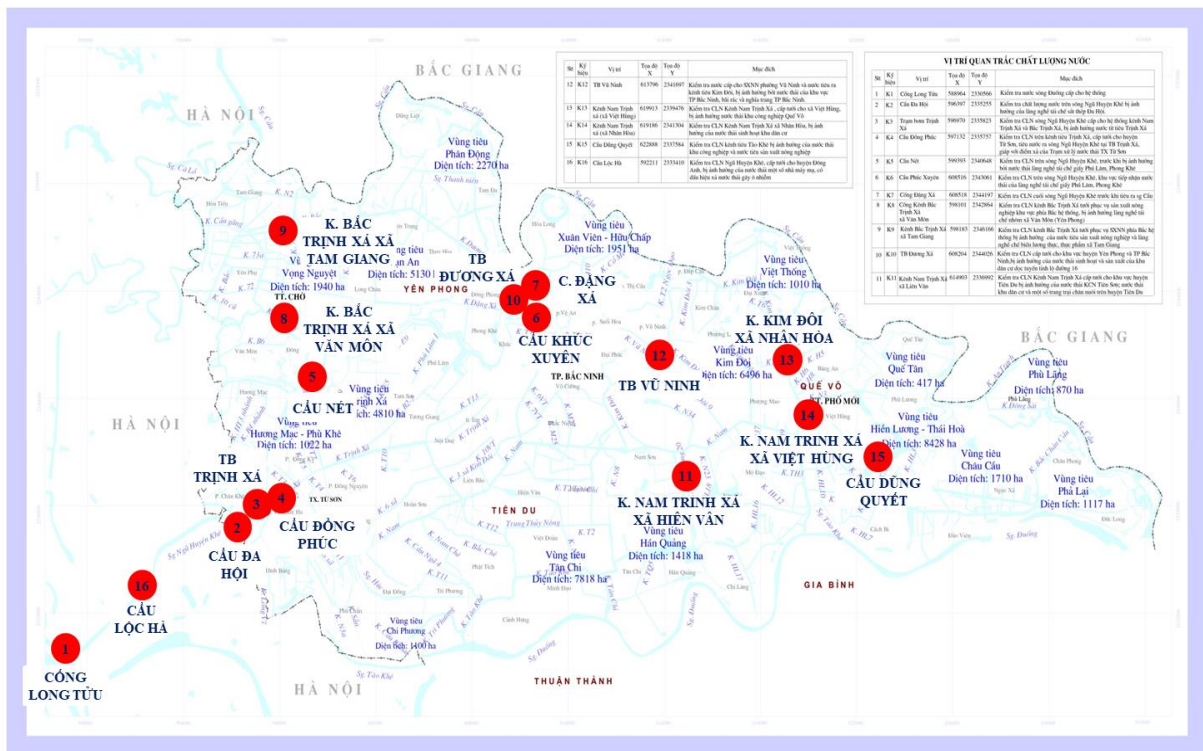
Bảng 1. Vị trí dự báo và giám sát chất lượng nước hệ thống Bắc Đuống năm 2019

TT	Vị trí lấy mẫu	KH mẫu	Địa điểm	Tọa độ	Mục đích
1	Cống Long Từ	K1	Thôn Long Từ, xã Đông Hội, Đông Anh, Hà nội	x= 588964 y= 2330566	Kiểm tra nước sông Đuống cấp cho hệ thống
2	Cầu Đa Hội	K2	Thôn Đa Hội, Phường Châu Khê, TX Từ Sơn, Bắc Ninh	x= 596397 y= 2335255	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê bị ảnh hưởng của sinh hoạt và nước thải làng nghề tái chế sắt thép Đa Hội.
3	TB Trịnh Xá	K3	Thôn Trịnh Nguyễn, Phường Châu Khê, TX Từ Sơn, Bắc Ninh	x= 596970 y= 2335823	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê cấp cho hệ thống kênh Nam Trịnh Xá và Bắc Trịnh Xá, bị ảnh hưởng nước tiêu kênh tiêu Trịnh Xá
4	Cầu Đồng Phúc	K4	Thôn Đồng Phúc, Phường Châu Khê, TX Từ Sơn, Bắc Ninh	x= 597132 y= 2335757	Kiểm tra CLN trên kênh tiêu Trịnh Xá, cấp tưới cho huyện Từ Sơn, tiêu nước ra sông Ngũ Huyện Khê tại TB Trịnh Xá, giáp với điểm xả của Trạm xử lý nước thải TX Từ Sơn.
5	Cầu Nét	K5	Thôn Thọ Khê, xã Đông Thọ, Yên Phong, Bắc Ninh	x= 599393 y= 2340648	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê trước khi bị ảnh hưởng bởi nước thải làng nghề giấy Phú Lâm, Phong Khê.
6	Cầu Khúc	K6	Thôn Phúc Toại, Phường	x= 608516 y= 2343061	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê, bị ảnh hưởng trực tiếp nước

TT	Vị trí lấy mẫu	KH mẫu	Địa điểm	Tọa độ	Mục đích
	Xuyên		Khúc Xuyên, TP Bắc Ninh		thải của làng nghề tái chế giấy Phú Lâm, Phong Khê.
7	Cống Đặng Xá	K7	Phường Vạn An, TP Bắc Ninh	x= 608518 y= 2344197	Kiểm tra CLN sông Ngũ Huyện Khê trước khi tiêu ra sông Cầu.
8	K. Bắc Trịnh Xá xã Văn Môn	K8	Xã Văn Môn, Yên Phong, Bắc Ninh	x= 598101 y= 2342864	Kiểm tra CLN kênh Bắc Trịnh Xá, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực phía Bắc hệ thống, bị ảnh hưởng bởi làng nghề tái chế nhôm Văn Môn
9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	K9	Xã Tam Giang, Yên Phong, Bắc Ninh	x= 598183 y= 2346166	Kiểm tra CLN kênh Bắc Trịnh Xá, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực phía Bắc hệ thống, bị ảnh hưởng của sản xuất nông nghiệp và làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm xã Tam Giang.
10	Trạm bơm Đương Xá	K10	Thôn Đương Xá, Phường Vạn An, TP Bắc Ninh	x= 608204 y= 2344026	Kiểm tra CLN kênh tiêu Đặng Xá, cấp tưới cho khu vực huyện Yên Phong và TP Bắc Ninh, bị ảnh hưởng của sản xuất và tiêu nước thải của khu dân cư dọc tuyến tỉnh lộ đường 16,
11	K. Nam Trịnh Xá xã Hiên Vân	K11	Xã Hiên Vân, Tiên Du, Bắc Ninh	x= 614903 y= 2336992	Kiểm tra CLN kênh Nam Trịnh Xá cấp tưới cho huyện Tiên Du, bị ảnh hưởng của nước thải KCN Tiên Sơn nước thải khu dân cư và một số trang trại chăn nuôi trên địa bàn huyện Tiên Du.
12	Trạm bơm Vũ Ninh	K12	Phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh	x= 613796 y= 2341697	Kiểm tra nước cấp cho SXNN phường Vũ Ninh và nước tiêu ra kênh tiêu Kim Đồi, bị ảnh hưởng bởi nước thải của khu vực TP Bắc Ninh, bãi rác và nghĩa trang TP Bắc Ninh.
13	K. Nam Trịnh Xá xã Việt Hùng	K13	Xã Việt Hùng, Quế Võ, Bắc Ninh	x= 619913 y= 2339476	Kiểm tra CLN kênh Nam Trịnh Xá, cấp tưới cho xã Việt Hùng, bị ảnh hưởng của nước thải KCN Quế Võ.
14	Kênh Kim Đồi xã Nhân Hòa	K14	Thôn Trại Đường, xã Nhân Hòa, Quế Võ, Bắc Ninh	x= 619186 y= 2341304	Kiểm tra CLN kênh Kim Đồi, cấp tưới cho xã Nhân Hòa, bị ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt khu dân cư
15	Cầu Dũng	K15	Thôn Guột, xã Việt Hùng, Quế	x= 622888 y= 2337584	Kiểm tra CLN kênh tiêu Tào Khê, bị ảnh hưởng của nước thải khu

TT	Vị trí lấy mẫu	KH mẫu	Địa điểm	Tọa độ	Mục đích
	Quyết		võ, Bắc Ninh		công nghiệp và nước tiêu sản xuất nông nghiệp.
16	Cầu Lọc Hà	K16	Thôn Lọc Hà, xã Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	x= 592211 y= 2333410	Kiểm tra CLN Ngũ Huyện Khê, cấp tưới cho huyện Đông Anh, bị ảnh hưởng của nước thải một số nhà máy mạ, có dấu hiệu xả nước thải gây ô nhiễm.

9. Sơ đồ vị trí các trạm quan trắc và dự báo:



Hình 1. Sơ đồ vị trí các trạm quan trắc và dự báo chất lượng nước năm 2019

I. KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC NGÀY 13/2/2019

1.1. Mô tả thực địa và điều kiện lấy mẫu

Bảng 2. Mô tả thực địa tại các vị trí lấy mẫu

T	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Điều kiện thời tiết	Mô tả thực địa
1	K1	Cống Long Tửu	Nhiều mây, âm u, nhiệt độ không khí 21°C. Gió Đông, tốc độ gió 3,61 m/s.	- Cổng đóng kín giữ nước, nước tĩnh không dòng chảy, mực nước TL = 109 cm; HL = 130 cm; - Nước sông ngoài có màu nâu nhạt, không mùi, không rác thải.

T T	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Điều kiện thời tiết	Mô tả thực địa
2	K2	Cầu Đa Hội	Nhiều mây, âm u, nhiệt độ không khí 21°C. Gió Đông, tốc độ gió 3,61 m/s.	- Nước tĩnh, không dòng chảy; - Nước có màu xanh nhạt, không mùi, nhiều rác thải.
3	K3	Trạm bơm Trịnh Xá	Nhiều mây, âm u, nhiệt độ không khí 21°C. Gió Đông, tốc độ gió 3,61 m/s.	- 04 máy TB Trịnh Xá đang hoạt động lấy nước cho cả 2 kênh Nam và Bắc Trịnh Xá; Nước sông Ngũ Huyện Khê chảy vào khu vực TB với dòng chảy trung bình. Mực nước sông Ngũ Huyện Khê 115cm; khu vực TB 110cm - Nước có màu nâu nhạt, không mùi, nhiều rác thải trước cửa ngăn rác trên sông Ngũ Huyện Khê vào trạm bơm.
4	K4	Cầu Đồng Phúc	Nhiều mây, âm u, nhiệt độ không khí 21°C. Gió Đông, tốc độ gió 3,61 m/s.	- Cổng tiêu ra khu vực trạm bơm Trịnh Xá đóng, nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước TL= 180cm; HL= 110cm - Nước màu đen xám, có mùi hơi hôi, nhiều rác thải.
5	K5	Cầu Nét	Nhiều mây, âm u, nhiệt độ không khí 21°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,05 m/s.	- Hạ lưu đập chặn dòng tại Phú Lâm. Nước chảy ngược về phía thượng lưu, dòng chảy yếu. - Nước có màu xám đục, không mùi, không rác thải.
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 22°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 2,78 m/s.	- Nước tĩnh không dòng chảy, mực nước 185cm. - Nước màu đen kịt, mùi hôi thối nồng nặc, nhiều rác thải
7	K7	Cổng Đặng Xá.	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 22°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 2,78 m/s.	- Cổng đóng kín, nước tĩnh không có dòng chảy. Mực nước TL = 185 cm; HL = 60 cm - Nước có màu đen đặc, mùi hôi thối nồng nặc, nhiều rác thải.
8	K8	K. Bắc Trịnh Xá xã Văn Môn.	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 21°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,05 m/s.	- Dòng chảy yếu. - Nước màu xám, đục, mùi hơi hôi. Nhiều rác thải và có xác động vật chết vớt trên sông.
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang.	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 21°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,05 m/s.	- Dòng chảy yếu. - Nước màu nâu nhạt, không mùi, không rác thải.
1 0	K1 0	Trạm bơm Đương Xá	Trời nắng, nhiều mây theo đợt, nhiệt độ không khí 22°C. Gió Đông nam, tốc	- Đập chặn dòng 2 đầu thi công TB. Nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước màu xanh lục, mùi hôi, nhiều

<i>T</i> <i>T</i>	<i>Ký</i> <i>hiệu</i>	<i>Vị trí lấy</i> <i>mẫu</i>	<i>Điều kiện thời tiết</i>	<i>Mô tả thực địa</i>
			độ gió 2,78 m/s.	rác thải.
1 1	K1 1	K. Nam Trịnh Xá xã Hiên Vân.	Trời nắng, nhiều mây theo đợt. Nhiệt độ không khí 24°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,88 m/s.	- Cống xả KCN Tiên Sơn mở. Nước trên kênh Nam Trịnh Xá chảy yếu. - Nước kênh màu nâu nhạt, gần khu vực cửa xả KCN Tiên Sơn có màu nâu đen, mùi hơi hôi, nhiều rác thải.
1 2	K1 2	Trạm bơm Vũ Ninh.	Trời nắng, nhiều mây theo đợt. Nhiệt độ không khí 24°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,88 m/s.	- Nước tĩnh, không dòng chảy. Mực nước 180cm. - Nước có màu xanh đen, mùi hơi hôi, nhiều rác thải và có cá ngợ nổi đầu.
1 3	K1 3	K. Nam Trịnh Xá xã Việt Hùng	Trời nắng, nhiều mây theo đợt. Nhiệt độ không khí 24°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,88 m/s.	- Dòng chảy yếu. - Nước có màu nâu nhạt, mùi hơi hôi, nhiều rác thải.
1 4	K1 4	K. Kim Đôi xã Nhân Hòa.	Trời nắng, nhiều mây theo đợt. Nhiệt độ không khí 24°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,88 m/s.	- Dòng chảy yếu. - Nước có màu xanh nhạt, không mùi, không rác thải.
1 5	K1 5	Cầu Dũng Quyết	Trời nắng, nhiều mây theo đợt. Nhiệt độ không khí 24°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 3,88 m/s.	- Nước tĩnh, không có dòng chảy. - Nước có màu xanh nhạt, không mùi, nhiều bèo tây và rác thải.
1 6	K1 6	Cầu Lộc Hà	Trời nắng, nhiều mây theo đợt. Nhiệt độ không khí 21°C. Gió Đông nam, tốc độ gió 2,78 m/s.	- Dòng tĩnh, không có dòng chảy. - Nước có màu nâu nhạt, không mùi, không rác thải.

1.2. Kết quả phân tích đánh giá chất lượng nước và tính chỉ số chất lượng nước WQI

Bảng 3. Kết quả phân tích chất lượng nước trong hệ thống Bắc Đuống và tính chỉ số chất lượng nước WQI

TT	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	T (°C)	Độ đục	pH (-)	DO (mg/l)	TSS (mg/l)	NH ₄ ⁺ (mg/l)	NO ₂ ⁻ (mg/l)	PO ₄ ³⁻ (mg/l)	COD (mg/l)	BOD ₅ (mg/l)	Coliform (MPN/100ml)	Fe (mg/l)	Pb (ppm)	Cr (mg/l)	WQI
1	K1	Công Long Tửu	22,0	35,85	5,69	4,2	41,23	7,90	0,06	0,44	25,60	11,40	910	0,62	0,96	0,04	41
2	K2	Cầu Đa Hội	21,4	65,04	7,13	4,5	80,25	3,02	0,02	0,36	64,00	24,50	1.200	2,08	4,18	0,21	45
3	K3	TB Trịnh Xá	21,6	21,12	7,39	3,4	33,75	2,69	0,01	0,32	60,80	22,90	8.100	1,22	1,35	0,04	34
4	K4	Cầu Đồng Phúc	22,2	33,06	7,24	3,7	40,05	5,60	0,10	0,28	57,60	20,30	24.000	0,66	2,47	0,07	12
5	K5	Cầu Nét	22,3	83,40	7,46	4,6	113,72	2,24	0,06	0,12	51,20	18,40	6.700	0,50	2,88	0,05	27
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	22,7	65,44	7,24	1,3	72,25	7,28	<0,01	0,42	384,00	140,60	94.000	0,56	2,37	0,05	6
7	K7	Công Đặng Xá	22,6	82,43	7,07	1,6	112,15	7,62	<0,01	0,44	288,20	98,80	160.000	0,68	3,74	0,07	4
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	23,1	56,21	7,57	3,6	71,21	2,30	0,12	0,06	44,80	16,20	17.000	0,24	1,26	0,04	12
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	23,4	63,41	7,54	4,9	70,75	2,07	0,10	0,10	32,00	13,40	6.400	0,26	0,88	0,03	49
10	K10	TB Dương Xá	22,7	33,03	7,45	3,0	41,88	2,30	<0,01	0,08	48,00	17,60	41.000	0,58	4,09	0,05	13
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	23,0	25,13	7,27	2,1	34,13	7,78	0,22	2,10	67,20	25,20	34.000	0,12	3,43	0,06	10
12	K12	TB Vũ Ninh	22,7	11,36	7,49	2,5	24,32	5,26	0,14	1,00	67,20	25,20	47.000	0,08	1,72	0,03	12
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	23,1	31,33	7,66	3,0	32,13	1,23	0,14	0,12	41,60	15,40	6.900	0,16	1,45	0,04	55
14	K14	K. Kim Đôi xã Nhân Hòa	23,2	13,13	7,61	3,2	26,13	1,29	0,26	0,10	41,60	15,60	11.000	0,20	2,63	0,03	16
15	K15	Cầu Dũng Quyết	23,2	31,12	7,68	5,6	30,23	0,67	0,01	0,02	48,00	17,80	940	0,24	0,97	0,04	70
16	K16	Cầu Lộc Hà	21,6	31,51	7,39	3,4	33,18	3,64	0,04	0,04	76,80	29,10	2.100	1,68	5,16	0,23	59
QCVN08:2015/BTNMT B1			-	-	5,5-9,0	≥4	50	0,9	0,05	0,3	30	15	7.500	1,5	50	0,5	-

Ghi chú: Đo tại hiện trường các chỉ tiêu Nhiệt độ, pH, DO và Độ đục

1.3. Đánh giá chất lượng nước theo chỉ số chất lượng nước WQI

Bảng 4. Kết quả đánh giá chất lượng nước theo chỉ số chất lượng nước WQI

T	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	WQI	Đánh giá	Màu thể hiện	Xếp loại
1	K1	Công Long Tửu	41	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	Da cam	D
2	K2	Cầu Đa Hội	45	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	Da cam	D
3	K3	TB Trịnh Xá	34	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	Da cam	D
4	K4	Cầu Đồng Phúc	12	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
5	K5	Cầu Nét	27	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	Da cam	D
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	6	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
7	K7	Công Đặng Xá	4	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	12	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	49	Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác	Da cam	D
10	K10	TB Dương Xá	13	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
11	K11	K. Nam TX xã Hiền Vân	10	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
12	K12	TB Vũ Ninh	12	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	55	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	Vàng	C
14	K14	K. Kim Đôi xã Nhân Hòa	16	Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai	Đỏ	E
15	K15	Cầu Dũng Quyết	70	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	Vàng	C
16	K16	Cầu Lộc Hà	59	Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác	Vàng	C

Ghi chú: Đánh giá theo số tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước ban hành theo quyết định 879/QĐ-TCMT, ngày 01/7/2011 của Tổng cục Môi trường. Trong đó:

- A- Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt
- B- Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp;
- C- Sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác;
- D- Sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác;
- E- Nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai

1.4. Đánh giá chất lượng nước theo các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh

1.4.1. Đánh giá chất lượng nước theo từng điểm quan trắc

Bảng 5. Kết quả đánh giá chất lượng nước theo từng điểm quan trắc

TT	KH mẫu	Hệ thống/trạm đo	Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
1	K1	Cống Long Tầu	3 chỉ tiêu: + NH ₄ ⁺ : 8,78 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,47 lần; + NO ₂ ⁻ : 1,20 lần	- Nước bị ô nhiễm các chỉ tiêu dinh dưỡng. - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS, nhưng có thể lấy nước vào hệ thống để tưới
2	K2	Cầu Đa Hội	5 chỉ tiêu: + TSS: 1,61 lần; + BOD ₅ : 1,63 lần; + COD: 2,13 lần; + NH ₄ ⁺ : 3,36 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,20 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ chất hữu cơ và các chất dinh dưỡng, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS.
3	K3	TB Trinh Xá	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,18 lần; + BOD ₅ : 1,53 lần; + COD: 2,03 lần; + NH ₄ ⁺ : 2,99 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,07 lần; + Coliform: 1,08 lần	- Nước bị ÔN các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vinh sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS. - Tăng cường lấy nước bổ sung từ sông ngoài cho các khu vực cuối kênh Bắc và Nam Trinh Xá.
4	K4	Cầu Đồng Phúc	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,08 lần; + BOD ₅ : 1,35 lần; + COD: 1,92 lần; + NH ₄ ⁺ : 6,22 lần; + NO ₂ ⁻ : 2,00 lần + Coliform: 3,20 lần	- Nước bị ÔN các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vinh sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Hạn chế lấy nước tưới cho SXNN. - Không mở cống tiêu sông Ngũ Huyện Khê trong thời gian lấy nước
5	K5	Cầu Nét	5 chỉ tiêu: + TSS: 2,27 lần; + BOD ₅ : 1,23 lần; + COD: 1,71 lần; + NH ₄ ⁺ : 2,49 lần; + NO ₂ ⁻ : 1,20 lần	- Nước bị ÔN các chất hữu cơ và chất dinh dưỡng, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS.
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	7 chỉ tiêu: + TSS: 1,45 lần; + DO dưới 3,08 lần; + BOD ₅ : 9,37 lần; + COD: 12,80 lần; + NH ₄ ⁺ : 8,09 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,40 lần;	- Nước bị ÔN các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vinh sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không lấy nước tưới cho SXNN. - Cần cô lập khu vực để tránh ô nhiễm sang các khu vực khác.

TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
			+ Coliform: 12,53 lần	
7	K7	Công Đặng Xá	7 chỉ tiêu: + TSS: 2,24 lần; + DO dưới 2,50 lần; + BOD ₅ : 6,59 lần; + COD: 9,61 lần; + NH ₄ ⁺ : 8,47 lần; + PO ₄ ³⁻ : 1,47 lần; + Coliform: 21,33 lần	- Nước bị ÔN nặng các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN; - Không lấy nước tưới cho SXNN. - Không mở công tiêu Đặng Xá ra sông Cầu, trong thời gian khu vực dưới hạ lưu sông Cầu lấy nước
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	7 chỉ tiêu: + TSS: 1,42 lần; + DO dưới 1,11 lần; + BOD ₅ : 1,08 lần; + COD: 1,49 lần; + NH ₄ ⁺ : 2,56 lần; + NO ₂ ⁻ : 2,40 lần; + Coliform: 2,27 lần.	- Nước bị ÔN các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS.
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	4 chỉ tiêu: + TSS: 1,42 lần; + COD: 1,07 lần; + NH ₄ ⁺ : 2,30 lần; + NO ₂ ⁻ : 2,00 lần;	- Nước bị ÔN các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS.
10	K10	TB Đương Xá	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,33 lần; + BOD ₅ : 1,17 lần; + COD: 1,60 lần; + NH ₄ ⁺ : 2,56 lần; + Coliform: 5,47 lần.	- Nước bị ÔN các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS.
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	7 chỉ tiêu: + DO dưới 1,90 lần; + BOD ₅ : 1,68 lần; + COD: 2,24 lần; + NH ₄ ⁺ : 8,64 lần; + PO ₄ ³⁻ : 7,00 lần; + NO ₂ ⁻ : 4,40 lần; + Coliform: 4,53 lần	- Nước bị ÔN các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS.
12	K12	TB Vũ Ninh	7 chỉ tiêu: + DO dưới 1,60 lần; + BOD ₅ : 1,68 lần; + COD: 2,24 lần; + NH ₄ ⁺ : 5,84 lần; + PO ₄ ³⁻ : 3,33 lần;	- Nước bị ÔN các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS.

TT	KH mẫu	Hệ thống/ trạm đo	Chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vượt QCVN 08:2015 cột B1	Khuyến cáo
			+ NO ₂ ⁻ : 2,80 lần; + Coliform: 6,27 lần.	
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	5 chỉ tiêu: + DO dưới 1,33 lần; + BOD ₅ : 1,03 lần; + COD: 1,39 lần; + NH ₄ ⁺ : 1,37 lần; + NO ₂ ⁻ : 2,80 lần.	- Nước bị ÔN nhẹ các chất hữu cơ và chất dinh dưỡng, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS.
14	K14	K. Kim Đôi xã Nhân Hòa	6 chỉ tiêu: + DO dưới 1,25 lần; + BOD ₅ : 1,04 lần; + COD: 1,39 lần; + NH ₄ ⁺ : 1,43 lần; + NO ₂ ⁻ : 5,20 lần; + Coliform: 1,47 lần.	- Nước bị ÔN nhẹ các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS.
15	K15	Cầu Dũng Quyết	2 chỉ tiêu: + BOD ₅ : 1,19 lần; + COD: 1,60 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ các chất hữu cơ, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS.
	K16	Cầu Lộc Hà	4 chỉ tiêu: + DO dưới 1,18 lần; + BOD ₅ : 1,94 lần; + COD: 2,56 lần; + NH ₄ ⁺ : 4,04 lần;	- Nước bị ÔN nhẹ các chất hữu cơ và chất dinh dưỡng, không đạt tiêu chuẩn phục vụ cho SXNN - Không sử dụng trực tiếp cho NTTS.

Ghi chú: QCVN08-MT:2015/BTNMT cột B1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2;

1.4.2. Đánh giá chất lượng nước theo các chỉ tiêu ô nhiễm

a) Về phạm vi ô nhiễm

Bảng 6. Tỷ lệ số điểm quan trắc vượt QCVN 08-MT:2015 cột B₁ theo các chỉ tiêu hóa lý và vi sinh bị ô nhiễm

TT	Chỉ tiêu ÔN	Số điểm ÔN	Tỷ lệ %	Vị trí ô nhiễm
1	TSS	6	37,50	K2, K5, K6, K7, K8, K9
2	DO	11	68,75	K3, K4, K6, K7, K8, K10, K11, K12, K13, K14, K16
3	BOD ₅	14	87,50	K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K10, K11, K12, K13, K14, K15, K16
4	COD	15	93,75	K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12, K13, K14, K15, K16
5	N-NH ₄ ⁺	15	93,75	K1, k2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K9, K10, K11, K12,

TT	Chỉ tiêu ÔN	Số điểm ÔN	Tỷ lệ %	Vị trí ô nhiễm
				K13, K14, K16
6	P-PO ₄ ³⁻	7	43,75	K1, K2, K3, K6, K7, K11, K12
7	NO ₂ ⁻	9	56,25	K1, K4, K5, K8, K9, K11, K12, K13, K14
8	Coliform	9	56,25	K3, K4, K6, K7, K8, K10, K11, K12, K14

b) Về mức độ ô nhiễm

Bảng 7. Mức độ ô nhiễm một số chỉ tiêu hóa lý và vinh sinh

TT	Chỉ tiêu ô nhiễm	Giá trị cao nhất	Vượt QCVN 08 cột B ₁ (lần)	Vị trí có giá trị cao nhất
1	TSS (mg/l)	113,72	2,27	K5 (cầu Nét)
2	BOD ₅ (mg/l)	140,60	9,37	K6 (cầu Khúc Xuyên)
3	COD (mg/l)	384,00	12,80	K6 (cầu Khúc Xuyên)
4	NH ₄ ⁺ (mg/l)	7,90	8,78	K1 (cổng Long Tửu)
5	NO ₂ ⁻ (mg/l)	0,26	5,10	K14 (K. Kim Đôi xã Nhân Hòa)
6	PO ₄ ³⁻ (mg/l)	2,10	7,00	K11 (K. Nam TX xã Hiên Vân)
7	Coliform (MPN/100ml)	160.000	21,33	K7 (cổng Đặng Xá)

1.5. Đánh giá chất lượng nước theo các chỉ tiêu kim loại nặng

Bảng 8. Đánh giá chất lượng nước theo hàm lượng các kim loại nặng tại các điểm quan trắc

TT	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	Hàm lượng KLN			Đánh giá
			Fe (ppb)	Pb (ppb)	Cr (mg/l)	
1	K1	Cổng Long Tửu	0,62	0,96	0,044	Đạt TCCP
2	K2	Cầu Đa Hội	2,08	4,18	0,208	Fe vượt 1,39 lần
3	K3	TB Trịnh Xá	1,22	1,35	0,041	Đạt TCCP
4	K4	Cầu Đồng Phúc	0,66	2,47	0,067	Đạt TCCP
5	K5	Cầu Nét	0,50	2,88	0,052	Đạt TCCP
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	0,56	2,37	0,052	Đạt TCCP
7	K7	Cổng Đặng Xá	0,68	3,74	0,071	Đạt TCCP
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	0,24	1,26	0,043	Đạt TCCP
9	K9	K. Bắc TX xã Tam Giang	0,26	0,88	0,026	Đạt TCCP
10	K10	Trạm bơm Đương Xá	0,58	4,09	0,045	Đạt TCCP
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	0,12	3,43	0,061	Đạt TCCP
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh	0,08	1,72	0,032	Đạt TCCP
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	0,16	1,45	0,035	Đạt TCCP

TT	KH mẫu	Vị trí lấy mẫu	Hàm lượng KLN			Đánh giá
			Fe (ppb)	Pb (ppb)	Cr (mg/l)	
14	K14	K. Kim Đồi xã Nhân Hòa	0,20	2,63	0,027	Đạt TCCP
15	K15	Cầu Dũng Quyết	0,24	0,97	0,037	Đạt TCCP
16	K16	Cầu Lộc Hà	1,68	5,16	0,231	Fe vượt 1,39 lần
QCVN 08-MT:2015 cột B1			1,5	50	0,5	-

II. KẾT QUẢ DỰ BÁO CHẤT LƯỢNG NƯỚC TỪ NGÀY 22 - 28/2/2019

2.1. Thông tin chung

a) Đặc điểm khí tượng, thủy văn và nguồn nước

Trên sông Đà dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La. Mực nước trên sông Thao tiếp tục biến đổi chậm. Mực nước sông Lô tiếp tục dao động theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Ngày 22/2 do các hồ thủy điện đang trong thời kỳ phục vụ đồ ải đợt 3, nên mực nước sông Hồng tại Hà Nội và sông Thái Bình tại Phả Lại sẽ cao nhất vào ngày 22/2 và thấp nhất vào những ngày cuối.

Theo bản tin dự báo nguồn nước do Viện Quy hoạch Thủy lợi, dự báo tình hình khí tượng, thủy văn và nguồn nước trong kỳ dự báo như sau:

Chế độ mưa ngày tại các trạm đo (mm)

Trạm đo	22/2	23/2	24/2	25/2	26/2	27/2	28/2
Hà Nội	1,6	1,8	1,7	5,2	24,4	0,4	0,4
Bắc Ninh	1,8	2,3	2,3	5,6	23,2	0,2	0,3

Mực nước trung bình ngày tại các cống điều tiết (m)

Trạm đo	22/2	23/2	24/2	25/2	26/2	27/2	28/2
Cống Long Tửu	1,45	1,34	1,51	1,67	2,06	1,85	1,76
TB Hiền Lương	0,80	0,96	1,45	1,70	1,85	1,46	1,00
Cống Đặng Xá	1,86	1,76	1,16	1,43	1,98	1,36	0,68
TB Kim Đồi	0,87	0,72	0,82	1,04	1,12	0,84	0,40

b) Tóm tắt tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản

Toàn hệ thống đã hoàn thành công tác lấy nước đồ ải cho các diện tích đất còn lại và đang tích cực triển khai gieo cấy lúa xuân

c) Tình hình vận hành công trình thủy lợi

Cống Long Tửu đóng để giữ nước trong hệ thống; các TB chuẩn bị cho công tác tưới dưỡng.

2.2. Kết quả dự báo chất lượng nước từ ngày 22 - 28/2/2019

a) Dự báo chỉ tiêu DO

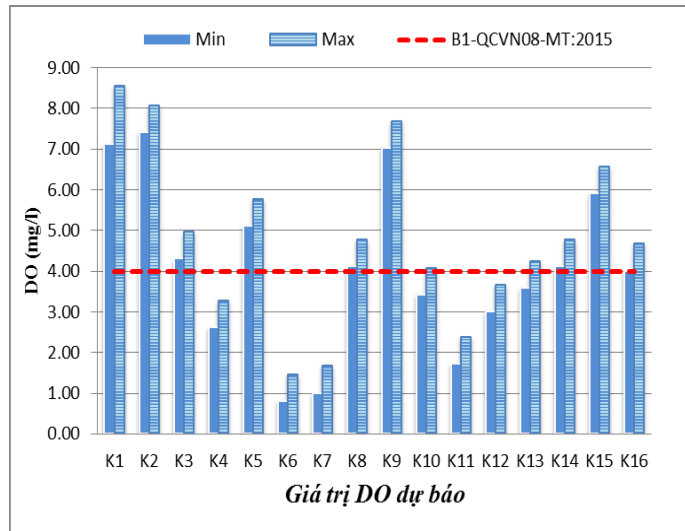
Hàm lượng DO dự báo trong hệ thống từ 22-28/2/2019 dao động từ 0,90- 8,42 mg/l. Cao nhất tại cống Long Tửu (K1); thấp nhất tại cầu Khúc Xuyên (K6).

So sánh với tiêu chuẩn nước sử dụng cho SXNN theo QCVN 08-MT:2015 cột B₁:

- 9/16 điểm dự báo tại các vị trí K1, K2, K3, K5, K8, K9, K14, K15 và K16, có hàm lượng DO đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo.

- 5/16 điểm dự báo tại các vị trí K4, K6, K7, K11 và K12, có hàm lượng DO không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Đặc biệt tại các vị trí K6 và K7 hàm lượng DO quá thấp, cá và các loài động vật thủy sinh không thể tồn tại trong môi trường này.

- 2/16 điểm dự báo còn lại tại các vị trí K10 và K13, có hàm lượng DO hơi thấp, không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở một số ngày trong đợt dự báo.



Giá trị DO dự báo

Bảng 2: Kết quả dự báo thông số DO tại các vị trí quan trắc từ 22 - 28/2/2019

TT	KH	Vị trí	22/2	23/2	24/2	25/2	26/2	27/2	28/2
1	K1	Cống Long Tửu	7,20	7,42	7,64	7,76	7,98	8,20	8,42
2	K2	Cầu Đa Hội	7,50	7,60	7,74	7,64	7,74	7,84	7,94
3	K3	TB Trịnh Xá	4,40	4,50	4,64	4,54	4,64	4,74	4,84
4	K4	Cầu Đồng Phúc	2,70	2,80	2,94	2,84	2,94	3,04	3,14
5	K5	Cầu Nét	5,20	5,30	5,44	5,34	5,44	5,54	5,64
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	0,90	1,00	1,14	1,04	1,14	1,24	1,34
7	K7	Cống Đặng Xá	1,10	1,20	1,34	1,24	1,34	1,44	1,54
8	K8	K. Bắc Trịnh Xá xã Văn Môn	4,20	4,30	4,44	4,34	4,44	4,54	4,64
9	K9	K. Bắc Trịnh Xá xã Tam Giang	7,11	7,21	7,35	7,25	7,35	7,45	7,55
10	K10	Trạm bơm Đương Xá	3,51	3,61	3,75	3,65	3,75	3,85	3,95
11	K11	K. Nam Trịnh Xá xã Hiên Vân	1,81	1,91	2,05	1,95	2,05	2,15	2,25
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh	3,10	3,20	3,34	3,24	3,34	3,44	3,54
13	K13	K. Nam Trịnh Xá xã Việt Hùng	3,67	3,77	3,91	3,81	3,91	4,01	4,11
14	K14	K. Kim Đôi xã Nhân Hòa	4,20	4,30	4,44	4,34	4,44	4,54	4,64
15	K15	Cầu Dũng Quyết	6,00	6,10	6,24	6,14	6,24	6,34	6,44
16	K16	Cầu Lộc Hà	4,10	4,20	4,34	4,24	4,34	4,44	4,54
QCVN 08-MT:2015 cột B₁			≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4	≥ 4

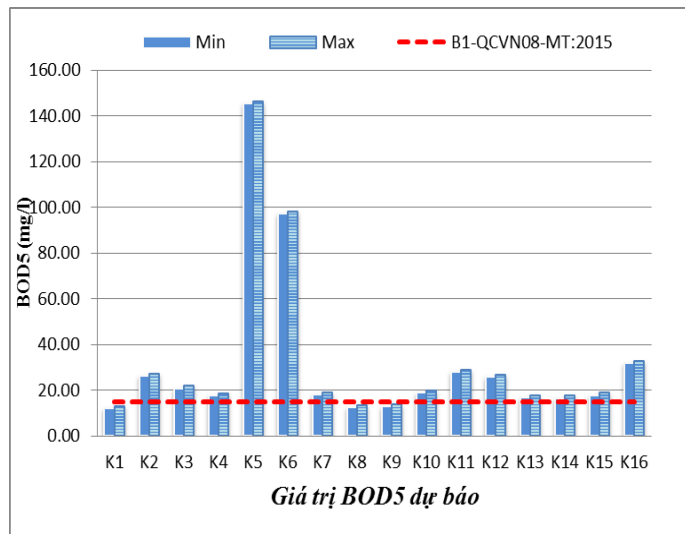
b) Dự báo chỉ tiêu BOD₅

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong hệ thống từ 22-28/2/2019 dao động từ 12,18 – 146,04 mg/l. Cao nhất tại cầu Nét (K5); thấp nhất tại cống Long Tửu (K2).

So sánh với tiêu chuẩn nước sử dụng cho SXNN theo QCVN 08-MT:2015 cột B₁:

- 3/16 điểm dự báo tại các vị trí K1, K8 và K9, có hàm lượng BOD₅ đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo.

- 13/16 điểm dự báo tại các vị trí K2, K3, K4, K5, K6, K7, K10, K11, K12, K13, K14, K15 và K16, có hàm lượng BOD₅ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo.



Giá trị BOD₅ dự báo

Bảng 3: Kết quả dự báo thông số BOD₅ tại các vị trí quan trắc từ 22 - 28/2/2019

TT	KH	Vị trí	22/2	23/2	24/2	25/2	26/2	27/2	28/2
1	K1	Cống Long Tửu	12,18	12,28	12,42	12,32	12,42	12,52	12,62
2	K2	Cầu Đa Hội	26,45	26,55	26,69	26,59	26,69	26,79	26,89
3	K3	TB Trịnh Xá	21,20	21,30	21,44	21,34	21,44	21,54	21,64
4	K4	Cầu Đồng Phúc	17,80	17,90	18,04	17,94	18,04	18,14	18,24
5	K5	Cầu Nét	145,60	145,70	145,84	145,74	145,84	145,94	146,04
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	97,60	97,70	97,84	97,74	97,84	97,94	98,04
7	K7	Cống Đặng Xá	18,20	18,30	18,44	18,34	18,44	18,54	18,64
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	12,80	12,90	13,04	12,94	13,04	13,14	13,24
9	K9	K. Bắc TX xã Tam Giang	13,30	13,40	13,54	13,44	13,54	13,64	13,74
10	K10	Trạm bơm Đương Xá	19,30	19,40	19,54	19,44	19,54	19,64	19,74
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	28,20	28,30	28,44	28,34	28,44	28,54	28,64
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh	26,10	26,20	26,34	26,24	26,34	26,44	26,54
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	17,20	17,30	17,44	17,34	17,44	17,54	17,64
14	K14	K. Kim Đôi xã Nhân Hòa	16,90	17,00	17,14	17,04	17,14	17,24	17,34
15	K15	Cầu Dũng Quyết	18,13	18,23	18,37	18,27	18,37	18,47	18,57
16	K16	Cầu Lộc Hà	32,10	32,20	32,34	32,24	32,34	32,44	32,54
QCVN 08-MT:2015 cột B₁			15	15	15	15	15	15	15

c) Dự báo chỉ tiêu NH₄⁺

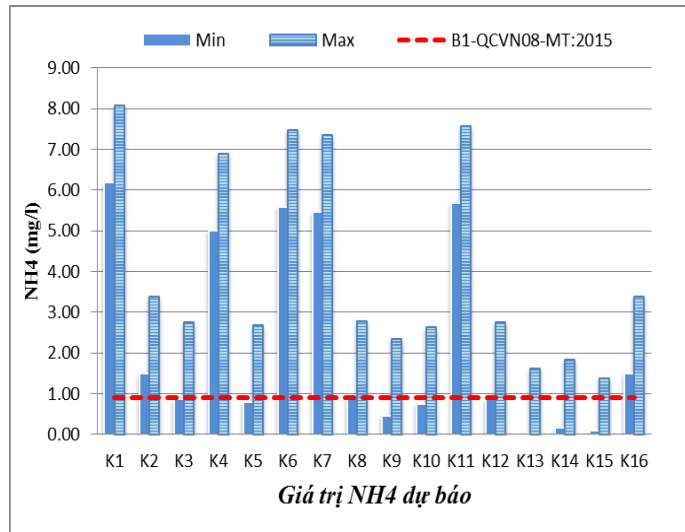
Hàm lượng NH₄⁺ dự báo trong hệ thống từ 22-28/2/2019 dao động từ 0,04 – 7,84 mg/l. Cao nhất tại cống Long Tửu (K1); thấp nhất tại kênh Nam Trịnh Xá xã Việt Hòa

TB Trịnh Xá (K13).

So sánh với tiêu chuẩn nước sử dụng cho SXNN theo QCVN 08-MT:2015 cột B₁:

- 12/16 điểm dự báo tại các vị trí K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K10, K11, K12 và K16, có hàm lượng NH₄⁺ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo.

- Các điểm dự báo còn lại tại vị trí K9, K13, K14 và K15 có hàm lượng NH₄⁺ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở một số ngày trong đợt dự báo.



Giá trị NH₄⁺ dự báo

Bảng 4: Kết quả dự báo thông số NH₄⁺ tại các vị trí quan trắc từ 22 - 28/2/2019

TT	KH	Vị trí	22/2	23/2	24/2	25/2	26/2	27/2	28/2
1	K1	Cổng Long Tửu	7,60	7,70	7,84	7,74	6,83	6,73	6,52
2	K2	Cầu Đa Hội	2,90	3,00	3,14	3,04	2,13	2,03	1,82
3	K3	TB Trịnh Xá	2,26	2,36	2,50	2,40	1,49	1,39	1,18
4	K4	Cầu Đồng Phúc	6,40	6,50	6,64	6,54	5,63	5,53	5,32
5	K5	Cầu Nét	2,18	2,28	2,42	2,32	1,41	1,31	1,10
6	K6	Cầu Khúc Xuyên	6,98	7,08	7,22	7,12	6,21	6,11	5,90
7	K7	Cổng Đặng Xá	6,86	6,96	7,10	7,00	6,09	5,99	5,78
8	K8	K. Bắc TX xã Văn Môn	2,28	2,38	2,52	2,42	1,51	1,41	1,20
9	K9	K. Bắc TX xã Tam Giang	1,86	1,96	2,10	2,00	1,09	0,99	0,78
10	K10	Trạm bơm Dương Xá	2,14	2,24	2,38	2,28	1,37	1,27	1,06
11	K11	K. Nam TX xã Hiên Vân	7,09	7,19	7,33	7,23	6,32	6,22	6,01
12	K12	Trạm bơm Vũ Ninh	2,26	2,36	2,50	2,40	1,49	1,39	1,18
13	K13	K. Nam TX xã Việt Hùng	1,12	1,22	1,36	1,26	0,35	0,25	0,04
14	K14	K. Kim Đôi xã Nhân Hòa	1,34	1,44	1,58	1,48	0,57	0,47	0,26
15	K15	Cầu Dũng Quyết	0,89	0,99	1,13	1,03	0,52	0,42	0,31
16	K16	Cầu Lộc Hà	2,89	2,99	3,13	3,03	2,12	2,02	1,81
QCVN 08-MT:2015 cột B₁			0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9

III. CÁC KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

- Kết quả dự báo cho thấy:

+ 5/16 điểm dự báo tại các vị trí K4, K6, K7, K11 và K12, có hàm lượng DO không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo. Đặc

biệt tại các vị trí K6 và K7 hàm lượng DO quá thấp, cá và các loài động vật thủy sinh không thể tồn tại trong môi trường này.

+ 13/16 điểm dự báo tại các vị trí K2, K3, K4, K5, K6, K7, K10, K11, K12, K13, K14, K15 và K16, có hàm lượng BOD₅ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo

+ 12/16 điểm dự báo tại các vị trí K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8, K10, K11, K12 và K16, có hàm lượng NH₄⁺ không đạt tiêu chuẩn nước phục vụ cho SXNN ở tất cả các ngày trong đợt dự báo.

- Đề nghị các đơn vị quản lý, khai thác CTTL Bắc Đuống cảnh báo cho địa phương về tình hình chất lượng trong hệ thống. Khoanh vùng ô nhiễm khu vực hạ lưu sông Ngũ Huyện Khê từ Phú Lâm đến cống Đặng Xá và không sử dụng nước khu vực này cấp cho SXNN. Các khu vực khác có thể lấy nước phục vụ tưới, nhưng cần hạn chế lấy nước trực tiếp cấp cho nuôi trồng thủy sản.